

ĐẤT QUẢNG VỚI PHONG TRÀO DUY TÂN ĐẦU THẾ KỶ XX

*Bùi Văn Tiêng**

1. *Phong trào Duy Tân* - cơn bão lớn về chính trị trong thập niên đầu thế kỷ XX khởi phát đầu tiên ở đất Quảng, sau đó nhanh chóng trở thành phong trào vận động cách mạng trên phạm vi cả nước⁽¹⁾, trước hết là các tỉnh ven biển miền Trung, và bước đầu đã có một vài mối quan hệ quốc tế. So với các cuộc vận động cách mạng ở Việt Nam trước đó, chẳng hạn như *Phong trào Cần Vương* của thế kỷ XIX, thì đây là bước tiến khá quan trọng.

Có thể nói mặc dầu có ý thức liên kết với *Phong trào Cần Vương* hai tỉnh cùng địa phận tả trực kỳ là Quảng Ngãi, Bình Định nhưng ngay cả Trần Văn Dư và Nguyễn Duy Hiệu — lãnh tụ Nghĩa hội Quảng Nam — cũng vẫn chưa vượt qua khuôn khổ chật hẹp lối thời của đường lối Cần Vương, trước hết là sự chật hẹp về không gian hoạt động. Đúng như Shiraiishi Masaya — tác giả cuốn *Phong trào dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và châu Á* — nhận xét, hạn chế lớn nhất ở đây là dầu có chung một ngọn cờ tự nghĩa mang tính chất quốc gia là vua Hàm Nghi, song *Phong trào Cần Vương* của từng tỉnh lại chỉ mang tính chất địa phương. “*Phong trào Cần Vương thế kỷ XIX có một đặc trưng là thân hào các tỉnh đã tổ chức riêng nghĩa quân tại quê hương của mình*”⁽²⁾.

Năm 1905, bộ ba Quảng Nam (chữ của Hồ Tá Khanh — trong Thông sử Công ty Liên Thành, Paris, 1983 — dùng để gọi Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng), đã thực hiện chuyến Nam du đến tận Bình Thuận giáp giới Nam kỳ thuộc Pháp nhằm truyền bá tư tưởng khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, vận động phát triển lực lượng. Đây là một trong những cách mà bộ ba Quảng Nam thử thực hiện nhằm làm cho phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX thoát ra khỏi tính chất địa phương như phong trào Cần Vương thế kỷ XIX. Hay trong lần Phan Châu Trinh đến Phần Xương đàm đạo với Hoàng Hoa Thám — người duy nhất hồi ấy vẫn duy trì cuộc đấu tranh vũ trang ở mức độ thấp và phạm vi hẹp — khi được Hoàng Hoa Thám mời cộng tác, Phan Châu Trinh đã từ chối, bởi theo cách nhìn của ông, “Hoàng Hoa Thám tuy quả cảm, mưu lược, bền gan, giỏi việc dùng binh, nhưng đương thời cuộc cạnh tranh này mà nội tình ngoại thế không rõ, bo bo một góc thì thế nào tồn tại được”.

* Thạc sĩ, Thành ủy Đà Nẵng. Việt Nam.

Và có lẽ cũng chỉ đến Phong trào Duy Tân mới diễn ra hiện tượng mà ngôn ngữ hiện đại gọi là “*tham quan học tập các điển hình tiên tiến*” (nhiều người ở xa, “*nhất là người đã nếm mùi Âu hóa đi ngang qua tỉnh Quảng Nam*”⁽³⁾) đã kéo nhau về cái làng Phú Lâm xa xôi cách trở của ông Lê Cơ để tận mắt nghiên cứu mô hình làng Duy Tân nổi tiếng lúc bấy giờ). Đặc biệt tầm nhìn chính trị của Phong trào Duy Tân rộng hơn rất nhiều nhờ có điều kiện liên hệ quốc tế, không chỉ với phương Đông, như sang tận nơi tìm hiểu thực tiễn công cuộc canh tân của Nhật Bản... mà còn với phương Tây: qua tân thư đã sớm tiếp cận được tư tưởng dân chủ, dân quyền của Montesquieu, Jean Jasques Rousseau...; hình thành mối quan hệ giữa Phan Châu Trinh với Liên minh Nhân quyền và cá nhân Alfred Ernest Babut; bộ ba Quảng Nam trong chuyến Nam du nói trên cũng từng có ý định tiếp cận với chiến hạm Baltique của hải quân Nga đang neo đậu ở vịnh Cam Ranh...

2. Khi thừa nhận Phong trào Duy Tân là cuộc vận động cách mạng có quy mô toàn quốc, tức cũng đồng thời thừa nhận phong trào này có một trung tâm. Và nếu như vậy thì có thể nói đất Quảng không chỉ là nơi khởi phát mà còn là địa phương đóng vai trò trung tâm của Phong trào Duy Tân cả nước. Tất nhiên, không thể không đồng tình với nhà văn Sơn Nam – một trong những chuyên gia nghiên cứu sâu về Phong trào Duy Tân⁽⁴⁾ Việt Nam đầu thế kỷ XX khi ông khuyên mọi người: “Nên từ bỏ óc địa phương, cho rằng địa phương này có công, hăng say cách mạng hơn địa phương kia, hoặc cho rằng phong trào Duy Tân ở Việt Nam được rầm rộ chỉ là do sáng kiến của cá nhân này hoặc cá nhân khác”⁽⁵⁾; nhưng điều đó hoàn toàn không loại trừ khả năng đất Quảng trở thành một trung tâm, và thực tế đã trở thành một trung tâm, vấn đề là cần hiểu khái niệm trung tâm như thế nào cho đúng. Trước hết trung tâm là không bao giờ được đơn độc trong quá trình phát triển; và trung tâm là phải có cả sức thu hút lẫn sức lan tỏa.

Thật ra bộ ba Quảng Nam không phải là những người Quảng đầu tiên khởi xướng tư tưởng Duy Tân. Người Quảng đi tiên phong trong việc khởi xướng tư tưởng Duy Tân là Phạm Phú Thứ.

“Ở các nước khác, gặp phải sự việc và tình trạng như thế đó (tức là việc người phương Tây đến đòi mở cửa thông thương) đều có thể duy trì yên ổn, còn mình ở đây lại không thể. Thần đột nhiên nửa đêm một mình đứng dậy, nổi giận đùng đùng, có khi ngồi một mình lặng lẽ rơi nước mắt, vừa giận vừa khóc không biết nói gì”⁽⁶⁾. Đó là nỗi bức xúc tột cùng của Phạm Phú Thứ do chính ông bày tỏ trong một sớ tấu gửi vua Tự Đức năm 1867. Ai cũng biết rằng khi cuộc chiến tranh hai năm 1858-1860 bùng nổ, Phạm Phú Thứ đã xin về quê tham gia đánh giặc. Năm 1873, ông lại cùng các đại thần trong Cơ mật viện thảo cho vua tờ dụ đưa quân ra Bắc để ngăn chặn hành động xâm lăng của quân đội Pháp. Và giờ đây lòng nhiệt thành yêu nước trong ông vẫn nguyên vẹn như thuở ban đầu. Có điều, cục diện đất nước đang ngày càng khác trước, vì thế Phạm Phú Thứ cho rằng muốn cứu được nước, không thể không đổi mới tư duy chính trị.

Theo Phạm Phú Thứ, con đường cứu nước đúng đắn nhất lúc này là phải nhanh chóng tự cường, bởi chỉ giàu mạnh thì mới có thể bảo vệ được chủ quyền quốc gia. Muốn vậy phải gắn chặt nhiệm vụ cứu nước với yêu cầu canh tân. Đương thời Phạm Phú Thứ là một trong các quan chức của Nam triều sớm để xướng tư tưởng canh tân đổi mới. Chính ông đã chuyển đến tay nhà vua nhiều bản điều trần quan trọng của Nguyễn Trường Tộ, đồng thời cùng với các Cơ mật viện đại thần khác có những sớ tấu ủng hộ người trí thức Công giáo yêu nước này. Nhưng bi kịch của Phạm Phú Thứ (cũng như của các nhà cải cách đương thời) là đã vấp phải trở lực của lực lượng triều thần bảo thủ quá khích. Và lực lượng này không ngừng tìm cách hạn chế những nỗ lực canh tân đất nước của ông, cho đến tận năm 1822 là năm Phạm Phú Thứ qua đời với bao nhiêu dự định còn dang dở. Hai năm sau, các quan phụ chính đại thần cho mời Phạm Phú Đường con trai ông và Nguyễn Lộ Trạch (bạn ông) vào kinh bàn việc nước.

Sự tiếp nối thế hệ kiểu ấy và chỉ ngần ấy chưa đủ để tư tưởng canh tân của Phạm Phú Thứ phát huy được tác dụng như ông hằng mong muốn. Phải chờ đến Phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX, với tư cách những người lãnh đạo Phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX, bộ ba Quảng Nam đã cảm nhận rằng chốn đế đô rợp bóng vương quyền khó lòng dung nạp nổi những đổi thay mang tính cách mạng về mọi phương diện, đều thấy rõ ở nơi này khó có thể thành công trong việc biến chủ trương cải cách dân chủ của số ít sĩ phu tiến bộ thành phong trào hành động của số đông quần chúng, từ đó đi tới nhận định: muốn kế thừa và phát triển tư tưởng Duy Tân của Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ và của người đồng hương Phạm Phú Thứ không còn con đường nào khác là phải chuyển căn cứ địa Phong trào Duy Tân về xứ Quảng. Và từ đấy, nói như nhà sử học Dương Trung Quốc, “có thể coi (Quảng Nam) là cái lò bể thổi tư tưởng Duy Tân từ ngoài vào trong nước”.⁽⁷⁾

Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Xuân cũng từng lý giải tại sao căn cứ địa của Phong trào Duy Tân lại phải đặt ở đất Quảng: “Vi Nghệ Tĩnh có nhiều sĩ phu anh hùng nhưng không có cửa biển nào để dân chúng mở rộng đôi mắt. Thừa Thiên tuy đào tạo nổi một Nguyễn Lộ Trạch mà không đủ quần chúng sĩ phu tân tiến, không đủ những nhà tư sản, sản xuất thương mại đòi hỏi Duy Tân, lại bị chế độ phong kiến bóp nghẹt. Hà Nội có những sĩ phu giác ngộ, nhưng đã lâu, dưới sự cưỡng chế của triều Nguyễn, sĩ phu Hà Nội bị gạt ra khỏi “tập đoàn” lãnh đạo, nên nay trở nên bở ngỡ. Quảng Nam có những điều kiện về cửa biển, về nguồn lợi và nhất là sĩ phu có óc cải tiến và quần chúng ít thành kiến cho nên Duy Tân là một nhu cầu chính trong sinh kế, trong phát triển và cả trong dự phòng cứu nước một cách hữu hiệu”⁽⁸⁾. Chính nhờ “điều kiện về cửa biển” mà tại Hội An hồi đầu thế kỷ, một thành viên Duy Tân hội là Phan Ngọc Cư đã có sáng kiến mở hiệu sách Đức An — hiệu sách độc nhất vô nhị ở Trung Kỳ thời ấy, nơi cung cấp những tân thư nói về cách mạng Trung Quốc, nơi gặp gỡ của các nhà nho yêu nước lúc bấy giờ”.⁽⁹⁾

Ngay cả với trường hợp Duy Tân hội trong quan niệm về phong trào Duy Tân của Sơn Nam, thì đất Quảng cũng đóng vai trò trung tâm, bởi vì một người Quảng

là Tiểu La Nguyễn Thành từng được Phan Bội Châu tôn vinh là linh hồn đích thực của Duy Tân hội.

Khi trực tiếp soạn thảo tiểu sử Tiểu La Nguyễn Thành, Phan Bội Châu công khai thừa nhận: “Các công cuộc kể trên (tức Duy Tân hội – phong trào Đông Du), ông tổ mở mui, chính là Tiểu La tiên sinh”⁽¹⁰⁾. Trước đó, trong thư gửi Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu cũng đánh giá Nguyễn Thành rất cao: “Lúc tôi đi qua quý tỉnh, những người gặp nói chuyện đều là người tốt cả, nhưng nói về tài lâm cơ ứng biến, có trí phán đoán kịp thời thì theo tôi không ai hơn được Tiểu La”. Với cái lai lịch chính trị hoàn toàn không thuận lợi — là một trong những yếu nhân của Nghĩa hội Quảng Nam ngày nào — Nguyễn Thành không tiện công khai ra mặt lãnh đạo Duy Tân hội như Phan Bội Châu, song kỳ thực hầu như việc tổ chức, kinh tài của Duy Tân hội – phong trào Đông Du đều do một tay ông sắp xếp, lo liệu cả. Điều quan trọng nữa là Nguyễn Thành có ảnh hưởng khá sâu sắc trong việc hoạch định đường lối của Duy Tân hội. Khi viết *Tư phán*, Phan Bội Châu nhắc lại một ý kiến của Tiểu La: “Hiện người nước ta ngoài “tôn quân, thảo tặc” (tôn vua, giết giặc Pháp) ra, thì chưa có ai có tư tưởng gì mới lạ”⁽¹¹⁾.

Rõ ràng ý kiến này đã chi phối toàn bộ việc lựa chọn đường lối hoạt động của Duy Tân hội. Xét trên phương diện tìm đường, nếu như Trần Văn Dư và Nguyễn Duy Hiệu tỏ ý hoài nghi ngọn cờ tôn quân, có cố gắng điều chỉnh (lấy chữ Nghĩa làm trọng, lập Tân tỉnh...) mà vẫn bất lực trong khuôn khổ chật hẹp lối thời của đường lối Cần Vương, thì Nguyễn Thành – bạn chiến đấu của Trần Văn Dư và Nguyễn Duy Hiệu – tuy không hoài nghi gì nữa về những hạn chế nhân tiền của ngọn cờ tôn quân ấy song đành phải chịu thêm một lần bất lực tương tự như hai người chủ tướng năm xưa, bởi “chưa ai có tư tưởng gì mới lạ” kể cả bạn thân ông. Vai trò Nguyễn Thành trong Duy Tân hội quan trọng tới mức khi ông bị đày đi Côn Đảo do liên lụy đến vụ Trung Kỳ dân biến năm 1908, mọi thư từ liên lạc của Duy Tân hội vẫn đề hiệu Tiểu La và Nam Thạch như trước. Và khi Nguyễn Thành mất, Phan Bội Châu với tư cách là nhà lãnh đạo công khai của Duy Tân hội không thể không lo lắng: “Than ôi! Núi Hải Vân còn đó, biển Đà Nẵng còn đó, ai là người Tiểu La tiên sinh thứ hai?”. Câu hỏi cháy lòng ấy, may thay lịch sử đã có câu trả lời đúng đắn: người Tiểu La tiên sinh thứ hai ấy không ai xứng đáng hơn Thái Phiên – cũng là một người Quảng. Có thể nói Thái Phiên kế tục xuất sắc vai trò của Nguyễn Thành trong Duy Tân hội: chính ông là người nhận và giải quyết mọi thư từ giao dịch của Duy Tân hội sau khi Nguyễn Thành bị bắt, đến nỗi người đương thời gọi luôn Thái Phiên là ông Nam Thạch⁽¹²⁾.

3. Nói đến đất Quảng như là trung tâm của Phong trào Duy Tân với cả nước thu hút lẫn sức lan tỏa, không thể không nhắc tới Phan Châu Trinh với tư cách một nhà cải cách giáo dục – tức là cái tư cách mà ông có đóng góp lớn nhất và đặc thù nhất vào phong trào này. Khởi sự Phong trào Duy Tân, Phan Châu Trinh chọn trong rất nhiều việc phải làm có ba việc cần làm trước: khai dân trí, chấn dân trí, hậu dân sinh; và trong ba việc cần làm trước ấy, ông xếp khai dân trí – tức là giáo dục – vào vị trí số một. Sự lựa chọn thứ tự ưu tiên của Phan Châu

Trình là do xuất phát từ quan niệm khi dân trí còn thấp kém thì khó mà đặt ra những mục tiêu cao hơn như dân khí, dân sinh, dân chủ, dân quyền... Sau này Lê-nin cũng nói rằng người mù chữ thì đứng ngoài chính trị. Nhưng người mù chữ trong suy nghĩ của Phan Châu Trinh không chỉ là người thất học mà còn là người có học hành hần hoi, thậm chí đỗ đạt hần hoi. Vì vậy sự chọn lựa thứ tự ưu tiên nêu trên còn xuất phát từ cách đánh giá thực trạng nền giáo dục nước ta đương thời và cách phản ứng trước thực trạng đáng buồn ấy của Phan Châu Trinh cùng hai người đồng hương, đồng chí của ông trong bộ ba Quảng Nam là Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng.

Cũng trong chuyến Nam du năm 1905, khi tới Bình Định, thấy sĩ phu vẫn tấp nập kéo vào trường thi lệ hằng tháng dự khảo hạch, ba bậc đại khoa xứ Quảng liền giả danh sĩ tử làm bài thơ Chí thành thống thánh cùng bài phú Danh sơn lương ngọc tuyên truyền tư tưởng Duy Tân, cảnh tỉnh số đông người học còn mê muội trong giấc mộng vàng khoa cử, dùng tên giả là Đào Mộng Giác (anh chàng họ Đào tỉnh mộng) ký dưới các bài thơ phú ấy đem nộp quyển. Cũng có thể kể đây là ngòi pháo đầu tiên của cuộc cách mạng trong giáo dục mà nhóm Phan Châu Trinh – bộ ba Quảng Nam cùng khởi xướng. Chí thành thống thánh và Danh sơn lương ngọc không chỉ tác động mạnh mẽ đến hàng trăm sĩ tử đang lều chõng tại Bình Định mà còn nhanh chóng vượt qua khuôn khổ của trường thi để đến với sĩ phu khắp ba kỳ, tìm tới những tâm hồn đồng điệu. Trong số những độc giả hào hứng và tâm huyết tiếp nhận Chí thành thống thánh và Danh sơn lương ngọc, có Nguyễn Thượng Hiền lúc ấy đang giữ chức Đốc học Nam Định. Vốn cũng từng hai lần đỗ đại khoa, hoàng giáp Nguyễn Thượng Hiền hết sức xúc động khi đọc bài phú của Đào Mộng Giác tới mức không chỉ giải bày niềm đồng cảm lớn lao qua bài thơ Độc Danh sơn phú thư hậu mà còn bộc lộ sự đồng tình sâu sắc qua hành vi có ý nghĩa tượng trưng là tự đốt cháy thi tập của mình – hàm chứa quyết tâm đoạn tuyệt với quá khứ văn chương bác cổ.

Tuy nhiên, như đã phân tích trên, theo nhận thức của bộ ba Quảng Nam, nhất là của Phan Châu Trinh thì tư tưởng cải cách Duy Tân nói chung và tư tưởng cải cách giáo dục nói riêng không thể chỉ nhằm tác động sâu sắc đến giới sĩ phu (như ở các tỉnh Bắc kỳ lúc bấy giờ và cả ở Đông Kinh nghĩa thực mà Phan Châu Trinh sẽ tham gia sáng lập năm 1907 và nhiều lần được mời đăng đàn diễn thuyết) – mặc dầu làm được như vậy đã là thắng lợi- mà còn cần phải được thâm nhập vào đông đảo quần chúng nhân dân, trước hết là tại đất Quảng. Muốn thế thì việc làm cấp bách nhất mà cũng cơ bản nhất là phải nhanh chóng mở trường dạy – học theo lối mới. Chỉ trong vòng hai năm từ 1906-1907, ở xứ Quảng trường học Duy Tân được mở ra nhiều nơi, nổi tiếng như các trường Diên Phong, Bảo An, Phú Bông, Quảng Huế, La Châu, Lạc Châu, Lạc Thành, Quảng Phước, Phước Bình, Phú Lâm... Như vậy là từ sớm, Phan Châu Trinh đã nhìn thấy vấn đề và đã giải quyết khá căn bản mối quan hệ giữa giáo dục tinh hoa và giáo dục đại chúng theo hướng coi trọng giáo dục đại chúng. Có thể là với thời đại ngày nay, khi mà phổ cập giáo dục đang trở thành thuật ngữ quen thuộc trong đời sống hằng ngày, cách nghĩ của Phan

Châu Trinh về đại chúng hóa nền giáo dục cũng bình thường thôi, không lấy gì làm đặc sắc; song nếu đặt vào bối cảnh thời đại Phan Châu Trinh thì *đấy chính là điểm căn cốt nhất của một cuộc cách mạng trong giáo dục và không chừng còn làm điểm căn cốt nhất của một cuộc cách mạng xã hội - điển hình như Trung Kỳ dân biến năm 1908.*

Nét chủ đạo trong cách nghĩ, cách làm giáo dục được xem là tiên tiến và giàu chất nhân văn của Phan Châu Trinh cũng như cả bộ ba Quảng Nam nằm ở việc xác định mục đích học tập trong các nhà trường Duy Tân – các nghĩa thực. Nói chung, số phận lịch sử của những trường học loại này quá ngắn, chưa đủ để có thể hình dung người học khi tốt nghiệp ra trường có được nhận bằng cấp gì không. Nhưng có lẽ từ người chủ trương mở trường, người dạy cho tới người học, chắc không ai nghĩ rằng vào học tại các nhà trường Duy Tân – các nghĩa thực là cốt để giành được một bằng cấp nào đó. Vì lý do rất giản đơn thôi: nội dung học tập đã khác trước! Cũng có thể hiểu ngược lại: nội dung học tập khác trước là bởi mục đích học tập đã hoàn toàn không giống trước. Theo tư duy giáo dục của Phan Châu Trinh, người dân bấy giờ đi học ở các nhà trường Duy Tân – các nghĩa thực là để được biết mình có những quyền gì, và cũng là để được biết mình chưa hề được hưởng những quyền ấy. Đương nhiên, đi học ở các nhà trường Duy Tân – các nghĩa thực còn là để biết chữ – chữ quốc ngữ, biết buôn bán và biết nhiều thứ khác nữa. Đi học mà cốt để biết những điều cần biết, đi học mà không bị sức ép của bằng cấp và đi kèm là sức ép của thi cử đê nặng, người học dễ đến gần với thực học hơn – thực học ở đây vừa được hiểu là học thực sự – chiếm lĩnh tri thức thực sự và có khả năng sáng tạo thực sự; lại vừa được hiểu là học gắn liền với thực tiễn đời sống, tức là gắn liền những gì thiết thân với số phận của cộng đồng, với đòi hỏi bức xúc của nhân dân.

Cần nói thêm là mặc dầu quyết liệt bày tỏ sự bất đồng quan điểm đối với đường lối bạo động của phái Đông du: “Tôi có định kiến rồi, công việc chúng ta làm ngày nay chỉ nên chú trọng về việc khai hóa cho đồng bào mình, tiến được bước nào chắc chắn bước ấy, mới có hy vọng về sau được. Còn như chủ trương muốn làm mau, muốn lấy võ lực mà bạo động trong nước, hay là nhờ sức một nước ngoài để nổi quân cách mệnh, việc ấy tất nhiên phải thất bại. Sau mỗi cuộc thất bại, tiếp đến dân bị khủng bố, nhục khí thêm nhụt đi, không có ích gì, tôi không tán thành cái chủ trương ấy”⁽¹³⁾, song Phan Châu Trinh vẫn đồng tình với phái Đông Du chủ trương đưa du học sinh sang Nhật⁽¹⁴⁾. Có điều ngay ở chỗ tương đồng này, quan điểm của Phan Châu Trinh vẫn rất khác với Phan Bội Châu. Phan Bội Châu bắt đầu nghĩ tới việc đưa du học sinh sang Nhật sau khi nghe lời khuyên của một nhà Duy Tân Trung Quốc – Lương Khải Siêu: “Quý quốc không lo không có ngày độc lập, mà chỉ lo quốc dân không có đủ tư cách độc lập... thực lực của quý quốc là dân trí, dân khí và nhân tài”⁽¹⁵⁾, nhưng thực ra Phan Bội Châu “cũng không hết lòng tin tưởng vào vai trò của giáo dục”⁽¹⁶⁾, đặc biệt “vì Phan Bội Châu theo chủ thuyết bạo động nên không phải ngẫu nhiên mà phần lớn những sinh viên du học ở Nhật và Trung Quốc vào đầu thế kỷ (dưới ảnh hưởng của Phan) đã theo học những trường quân sự, và đại đa số những người này cuối cùng đã hy sinh trong những vụ bạo động, mưu toan ám sát người Pháp cùng những người

Việt cộng tác với chính quyền thuộc địa, hay các binh biến lẻ tẻ⁽¹⁷⁾. Điều này không giống với suy nghĩ của nhà cải cách giáo dục Phan Châu Trinh khi ông quan niệm: “Phải chi dùng số người xuất dương đó phân tán trong nước, đem tri thức, trình độ cao đó khiến cho mấy mươi triệu người trong nước cũng có tri thức cao lên để tranh giành với Pháp”⁽¹⁸⁾.

4. Nói đến vận động cách mạng tức là nói đến mối quan hệ giữa các thủ lĩnh đứng ra vận động với đông đảo quần chúng được vận động. Trong Phong trào Duy Tân, đây là một mối quan hệ khá đặc biệt, biểu hiện rõ nhất qua sự kiện Trung Kỳ dân biến năm 1908 – một hình thức đấu tranh chính trị chưa từng có ở nước ta, một cuộc biểu dương lực lượng chính trị hùng hậu của nhân dân một vùng đất nửa thế kỷ trước từng gánh vác sứ mệnh đánh thắng trận đầu, cầm chân giặc Pháp. Tuy không do các lãnh tụ của Phong trào Duy Tân trực tiếp đề xướng và lãnh đạo, song Trung Kỳ dân biến năm 1908 cũng không hoàn toàn là cuộc đấu tranh tự phát; thậm chí xét cho cùng, có thể nói đây trước hết là sản phẩm của Phong trào Duy Tân, là kết quả nhãn tiền của các nhà trường Duy Tân trong quá trình khai trí trị sinh trên đất Quảng, là hành động chính trị tự giác của những người dân bình thường từng thấm nhuần tư tưởng canh tân, từng giác ngộ tinh thần dân chủ. Nói cách khác, dễ thấy tác động khá rõ của những lãnh tụ Phong trào Duy Tân đối với cuộc biểu tình kháng thuế cự sưu này. Có điều tác động đó đã tạo ra một quần chúng giác ngộ dân quyền chứ không phải là một đám đông mù quáng đòi lợi ích. Điểm son rực rỡ nhất của Trung Kỳ dân biến năm 1908 là ở đây, sự sáng tạo của quần chúng đã vượt qua tầm suy nghĩ của người lãnh đạo. Có thể nói nhân dân tham gia Trung Kỳ dân biến 1908 rất sáng tạo khi chuyển tư tưởng dân quyền Phan Châu Trinh thành bạo lực chính trị của quần chúng, xem bạo lực chính trị là sự bổ sung cần thiết vào tư tưởng dân quyền Phan Châu Trinh... Thế nhưng cũng cần thấy rằng sở dĩ Phong trào Duy Tân có được một thời vang bóng, góp phần đưa xứ Quảng vào vị trí trung tâm cách mạng cả nước hồi đầu thế kỷ XX là nhờ sự sáng tạo ấy của quần chúng; mà Phong trào Duy Tân nhanh chóng lụi tàn cũng bởi chính sự sáng tạo này.

Đương nhiên, khi chưa chuyển sang bạo lực chính trị như Trung Kỳ dân biến 1908 (là điều nằm ngoài tư duy lãnh đạo của bộ ba Quảng Nam, đặc biệt của Phan Châu Trinh), thực dân Pháp và Nam triều cũng đã bắt đầu để mắt tới Phong trào Duy Tân. Bằng chứng là Charles – Công sứ Pháp tại Quảng Nam – từng báo cáo với Khâm sứ Trung Kỳ rằng: “Thực chất đây là một tổ chức chính trị cực kỳ nguy hiểm đang phá hoại tổ chức và quyền lực của chúng ta”⁽¹⁹⁾. Và vào khoảng hạ tuần tháng Giêng năm 1908, quá lo sợ trước tiềm lực đấu tranh đòi dân quyền đang âm ỉ ở xứ Quảng, Tổng đốc Quảng Nam Hồ Đắc Trung có trát sức lệnh cho lý dịch toàn tỉnh thông báo cho dân Quảng biết từ giờ trở đi không được đánh trống tụ tập để diễn thuyết, ai trái lệnh thì sẽ bị nghiêm trị theo pháp luật; những lý dịch không thực hiện nghiêm lệnh này cũng sẽ bị xử phạt. Chỉ hơn một tháng sau, Hoàng Quý Thành quê ở Tam Kỳ và mười ngày tiếp theo đó, lý dịch thuộc 59 xã ở Quảng Nam đồng loạt gửi đơn kháng nghị lên Toàn quyền Đông Dương phản đối nội dung trát sức của Hồ Đắc Trung, đòi Toàn quyền

Đông Dương cho thu hồi trát sức này. Như vậy, trước khi nổ ra Trung Kỳ dân biến – tại đất Quảng đã từng có một cuộc vận động đấu không huyền não nhưng khá rộng rãi nhằm bảo vệ thành quả cải cách đổi mới mà nhân dân xứ Quảng tự mình tạo nên trong hào khí của Phong trào Duy Tân. Có điều hình thức đấu tranh bằng đơn thư như vậy vẫn chưa thể tạo cơ cho kẻ thù thẳng tay đàn áp khủng bố như là qua vụ Trung Kỳ dân biến, dẫn đến “sự thất bại năm 1908 của Phong trào Duy Tân” (theo cách nói của nhà sử học Đào Duy Anh)⁽²⁰⁾.

5. Một đặc thù nữa của Phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX so với các cuộc vận động cách mạng khác là hết sức chú ý đến khía cạnh kinh tế, đúng hơn là quan tâm đồng thời cả khía cạnh dân sinh-kinh tế và khía cạnh dân trí-giáo dục. Cuộc vận động mở thương hội khởi sự trước tiên ở đất Quảng từ năm 1905 với hợp thương Diên Phong, hợp thương Hội An, hợp thương Phú Lâm... và theo Nguyễn Văn Xuân, “từ Quảng Nam trở vào đến Bình Thuận, hợp thương đi liền với học hiệu (...) trường hợp tiêu biểu nhất cho sự kết hợp giữa thương hội và học hiệu có lẽ là trường Dục Thanh ở Phan Thiết, được thành lập và hoạt động dưới sự bảo trợ của Công ty Nước mắm Liên Thành”⁽²¹⁾ (hội buôn Liên Thành thành lập năm 1906 và trường Dục Thanh khai giảng năm 1907 là kết quả trực tiếp của chuyến Nam du năm 1905 của bộ ba Quảng Nam).

Đây cũng là chỗ tương đồng nữa giữa Phong trào Duy Tân và Duy Tân hội. Nhà sử học Đào Duy Anh từng nhận xét: “Phái ôn hòa do Phan Châu Trinh đứng đầu, tuy không chủ trương bạo động, nhưng lại phối hợp với phái Đông Du trong công cuộc tổ chức trường học và hội buôn nhằm khai trí trị sinh, tức mở mang dân trí theo tinh thần dân chủ và khoa học và mở mang thương nghiệp, công nghiệp để xây dựng cơ sở kinh tế cho cuộc Duy Tân (...). Các cơ quan kinh tế và giáo dục ấy đều là nhiều hay ít giúp quỹ và tuyển sinh gửi ra hải ngoại cho Phan Bội Châu⁽²²⁾. Đáng chú ý là thời gian hậu Trung Kỳ dân biến, khi hầu hết nghĩa thực Duy Tân nhanh chóng bị đóng cửa, bị xóa sổ thì các trường hợp tuy là “bộ mặt nổi của Phong trào Duy Tân (nhưng lại) là một trong những cái lớn lao còn lại hàng chục năm sau khi phong trào tan rã năm 1908”⁽²³⁾.

CHÚ THÍCH

1. Chúng ta nhìn tổng quát thấy rằng tuy có nhiều ý kiến, nhiều chủ trương địa phương khác nhau nhưng tất cả đều phối hợp lại. (Sơn Nam, *Phong trào Duy Tân ở Bắc, Trung, Nam*. Nxb Trẻ, 2003, tr. 55).
2. Shiraiishi Masaya, *Phong trào dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật bản và châu Á*, tập I (Nguyễn Như Diêm dịch). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2000, tr. 133.
3. Theo một bài báo của Huỳnh Thúc Kháng đăng trên *Tiếng Dân* số ra ngày 17-8-1932.
4. Hai chữ Duy Tân của Sơn Nam viết hoa, so với hai chữ duy tân cố ý viết thường trong hầu hết tham luận này có chỗ khác nhau: Sơn Nam quan niệm phong trào Duy Tân ở đây bao hàm cả các hoạt động của Duy tân hội.
5. Xem Sơn Nam, *Phong trào Duy Tân ở Bắc, Trung, Nam*. Nxb Trẻ, 2003, tr. 17.
6. Dẫn theo Quang Uyển, bản dịch *Nhật ký đi Tây* của Phạm Phú Thứ. Nxb Đà Nẵng, 1999, tr. 43.
7. Xem Dương Trung Quốc, *Lời tựa cuốn Trường Tiểu học An Phước 95 năm truyền thống*. Nxb Giáo dục – 2003.
8. Nguyễn Văn Xuân, *Phong trào Duy Tân*. Nxb Đà Nẵng – 1995, tr. 77.

9. Theo báo *Tiền Phong chủ nhật* số 3-2001.
10. Phan Bội Châu, *Tiểu La tiên sinh truyện*. Dẫn theo Nguyễn Sinh Duy: *Phong trào Nghĩa hội Quảng Nam*. Nxb Đà Nẵng, 1998, tr. 277.
11. Dẫn theo Võ Thu Tịnh, *Tình tự dân tộc*. Nxb Xuân Thu, California, 1999, tr. 326.
12. Thiệu Sinh, *Thái Phiên và cuộc Duy Tân khởi nghĩa*. Tạp chí *Bách khoa* số 123 ngày 15-1-1962 (dẫn lại của Nguyễn Sinh Duy: *Phong trào Nghĩa hội Quảng Nam*. Nxb Đà Nẵng, 1998).
13. Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù từng thoại*. Dẫn theo Huỳnh Lý: *Phan Châu Trinh – Thân thế và sự nghiệp*. Nxb Đà Nẵng, 1992, tr. 50.
14. “Phái ôn hòa do Phan Châu Trinh đứng đầu, tuy không chủ trương bạo động, nhưng lại phối hợp với phái Đông Du trong công cuộc tổ chức trường học và hội buôn nhằm khai trí trí sinh, tức mở mang dân trí theo tinh thần dân chủ và khoa học và mở mang thương nghiệp công nghiệp để xây dựng cơ sở kinh tế cho cuộc duy tân (...). Các cơ quan kinh tế và giáo dục ấy đều là nhiều hay ít giúp quỹ và tuyển sinh gửi ra hải ngoại cho Phan Bội Châu”. Xem Đào Duy Anh: *Hồi ký Đào Duy Anh* – Nxb TP. Hồ Chí Minh, 2000, tr. 251, 252.
15. Dẫn theo Vĩnh Sinh, *Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa*. Nxb Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2001, tr. 140.
16. Vĩnh Sinh. *Sđđ*, 2001, tr. 141.
17. Vĩnh Sinh. *Sđđ*, 2001, tr. 301.
18. Dẫn theo Vĩnh Sinh. *Sđđ*, 2001, tr. 301.
19. Dẫn theo Tạp chí *Xưa và Nay* số 4-1998.
20. Trong *Hồi ký Đào Duy Anh*. Nxb TP. Hồ Chí Minh, 2000, tr. 252.
21. Xem Nguyễn Văn Xuân, *Duy Tân và tinh thần doanh nghiệp*. Thời báo *Kinh tế Sài Gòn* số 36-2003.
22. Đào Duy Anh. *Sđđ*, tr. 251, 252.
23. Xem Nguyễn Văn Xuân. *Sđđ*.